HTOÀ ÁN NHÂN DÂN NAM
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 13/2022/DS-ST
Ngày: 19/4/2022
V/v "T/c hợp đồng vay"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thúy Liễu

2. Bà Trần Thị Sang

- ***Thư ký phiên tòa***: Châu Thị Phượng Liên, Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:*** Võ Thị Ngọc Hân – Kiểm sát viên

Trong ngày 19 tháng 4 năm 2022 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:705/2021/TLST-DS ngày 07 tháng 5 năm 2021 về "Tranh chấp hợp đồng vay" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2022/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bùi Thị Đ, sinh năm 1957

Địa chỉ: ấp Hòa Hảo, xã Phước Hảo, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đ là ông: Nguyễn Thành Xương, sinh năm 1962. Địa chỉ: ấp Vang Nhứt, xã Phước Hảo, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh (có đơn xin vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Nguyễn Thị X, sinh năm 1966 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Hòa Hảo, xã Phước Hảo, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của bà Bùi Thị Đ như sau:

Bà X, bà Tuyết, bà Đ không có quan hệ bà con gì, chỉ là lối xóm ở gần rất thân nhau. Bà X có đến gặp bà Tuyết để hỏi vay tiền nhưng bà Tuyết không cho nên bà X

đến nhờ bà Đ đứng ra bảo lãnh. Bà Đ đồng ý nên cùng bà X đến gặp bà Tuyết và ký lãnh nợ cho bà X với số tiền 31.000.0000đồng vào ngày 21/4/2016. Lãi suất do bà Tuyết và bà X tự thỏa thuận. Hàng tháng do bà X trực tiếp đóng lãi cho bà Tuyết. Ngày 15/12/2017 bà X trả cho bà Tuyết 15.000.000 đồng vốn. Còn lại 16.000.000đồng hứa đến tháng 4/2018 sẽ trả đủ nhưng bà X không thực hiện lời hứa. Bà Tuyết quay sang đòi bà Đ vì bà Đ bảo lãnh. Đến ngày 30/10/2018 bà Tuyết gởi đơn đến chính quyền ấp Vang Nhứt yêu cầu bà Đ phải trả nợ. Lúc chính quyền hòa giải bà X cũng có mặt. Sau khi hòa giải bà X có trả cho bà Tuyết 4.500.000 đồng. Còn lại 11.500.000 đồng bà X không có trả, bà Đ phải trả cho bà Tuyết thay bà X vì bảo lãnh. Nay bà Đ yêu cầu bà X phải trả lại cho bà 11.500.000 đồng không yêu cầu tính lãi.

Phía bà Nguyễn Thị X Tòa án đã thông báo thụ lý, thông báo tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, triệu tập xét xử nhiều lần nhưng vắng mặt không rõ lý do cũng không có văn bản trả lời cho Tòa án biết về việc khởi kiện của bà Bùi Thị Đ

Vị kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt không lý do chưa thực hiện đúng các quy định tại điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đ vì không có chứng cứ chứng minh có vay tiền bà Tuyết hoặc bà Đ. Về án phí buộc các đương sự nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Các đương sự "Tranh chấp hợp đồng vay". Bị đơn có nơi cư trú thuộc huyện Châu Thành nên thẩm quyền giải quyết của Tòa Tòa án nhân dân huyện Châu Thành

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, bà X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để hòa giải và xét xử nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự đủ căn cứ xét xử vắng mặt các đương sự.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Đ. Hội đồng xử án xét thấy:

[1] Vào ngày 21/4/2016 bà Đ bảo lãnh cho bà X vay của bà Tuyết số tiền 31.000.000 đồng. Sau khi vay thì bà X là người trực tiếp đóng lãi cho bà Tuyết và trả cho bà Tuyết số tiền vốn 2 lần là 19.500.000 đồng. Việc trả nợ của bà X bà Tuyết khai và xác nhận có nhận tiền đóng lãi trả vốn từ bà X. Số tiền còn lại 11.500.000 đồng bà X không trả nên bà Tuyết kiện đòi nợ bà Đ vì vai trò bảo lãnh và bà Đ đã ra tiền trả thay cho bà X số tiền 11.500.000 đồng.

Nay bà Đ khởi kiện bà X phải trả lại cho bà số tiền 11.500.000 đồng mà bà trả thay cho bà X. Mặt dù giữa bà Đ và bà X không có lập thành văn bản. Nhưng bà Tuyết cũng có lời khai bà Đ có đến nhà bà bảo lãnh nợ cho bà X và sự việc diễn ra như nhận định phần [1]. Tổ hòa giải ấp cũng có xác nhận bà Tuyết khởi kiện bà Đ, tổ hòa giải mời bà Đ bà Tuyết lên giải quyết, bà X có tham gia nhưng tổ hòa giải không có ghi ý kiến bà X vào biên bản vì bà Tuyết kiện bà Đ không có kiện bà X nhưng đại diện tổ hòa giải cũng khẳng định việc bà Đ bảo lãnh và trả nợ thay bà X là có thật. Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý; Thông báo công khai chứng cứ và hòa giải cho bà X nội dung thông báo có ghi số tiền bà Đ khởi kiện bà X nhận được nhưng không có ý kiến. Từ chối cung cấp lời khai, từ bỏ quyền lợi của mình.

Từ những chứng cứ vừa nên trên cho thấy việc bà Đ bảo lãnh vay nợ và trả nợ thay cho bà X là có thật. Bà X không trả lại cho bà Đ nên bà Đ khởi kiện yêu cầu bà X phải trả cho bà Đ số tiền 11.500.000 đồng là có căn cứ chấp nhận

[2] Về lãi suất: Do bà Đ không có yêu cầu nên Hội đồng xử án không xem xét

[3] Quan điểm của vị đại diện viện kiểm sát đề nghị hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đ vì không có chứng cứ chứng minh (bằng văn bản) có vay tiền bà Tuyết hoặc bà Đ. Như nhận định phần [1] nên Hội đồng xử án không chấp nhận quan điểm của vị đại diện viện kiểm sát

Về án phí: Buộc bà X phải chịu án phí vì yêu cầu nguyên đơn được chấp nhận. Bà Đ là người cao tuổi được miễn nộp tạm ứng án phí tại điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; 147; 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 463; 466; 467; 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội Khoá 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Đ

Buộc bà Nguyễn Thị X có trách nhiệm trả cho bà Bùi Thị Đ số tiền 11.500.000 đồng

Khi án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án dân sự, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án dân sự còn phải trả lãi của số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị X nộp 575.000 đồng

Án xử sơ thẩm công khai báo cho đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú của đương sự.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự".

*** *Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên toà

Đỗ Thị Thu Hằng